



| STT | Hạng mục                                                                                                                               | Mã loại đất | Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2023 |               |                     | Kết quả thực hiện<br>(Ước tính đến ngày 31/12/2023) |                | Trong đó:        |                |                    |                |                |                |                                            |                | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------|---------------|---------------------|-----------------------------------------------------|----------------|------------------|----------------|--------------------|----------------|----------------|----------------|--------------------------------------------|----------------|---------|
|     |                                                                                                                                        |             | Địa điểm thực hiện<br>(đến cấp xã)       | Số công trình | Tổng diện tích (ha) | Số công trình                                       | Diện tích (ha) | Đã thực hiện (*) |                | Đang thực hiện (*) |                | Chưa thực hiện |                | Không có khả năng thực hiện đề nghị hủy bỏ |                |         |
|     |                                                                                                                                        |             |                                          |               |                     |                                                     |                | Số công trình    | Diện tích (ha) | Số công trình      | Diện tích (ha) | Số công trình  | Diện tích (ha) | Số công trình                              | Diện tích (ha) |         |
|     |                                                                                                                                        |             |                                          |               |                     |                                                     |                |                  |                |                    |                |                |                |                                            |                |         |
| 7   | Đất ở tại đô thị                                                                                                                       | ODT         |                                          |               |                     |                                                     |                |                  |                |                    |                |                |                |                                            |                |         |
|     |                                                                                                                                        |             |                                          |               |                     |                                                     |                |                  |                |                    |                |                |                |                                            |                |         |
|     |                                                                                                                                        |             |                                          |               |                     |                                                     |                |                  |                |                    |                |                |                |                                            |                |         |
| 8   | Đất .....                                                                                                                              |             |                                          |               |                     |                                                     |                |                  |                |                    |                |                |                |                                            |                |         |
|     |                                                                                                                                        |             |                                          |               |                     |                                                     |                |                  |                |                    |                |                |                |                                            |                |         |
|     |                                                                                                                                        |             |                                          |               |                     |                                                     |                |                  |                |                    |                |                |                |                                            |                |         |
| II  | Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất và góp vốn bằng quyền sử dụng đất |             |                                          |               |                     |                                                     |                |                  |                |                    |                |                |                |                                            |                |         |
| 1   | Đất thương mại, dịch vụ                                                                                                                | TMD         |                                          |               |                     |                                                     |                |                  |                |                    |                |                |                |                                            |                |         |
|     |                                                                                                                                        |             |                                          |               |                     |                                                     |                |                  |                |                    |                |                |                |                                            |                |         |
|     |                                                                                                                                        |             |                                          |               |                     |                                                     |                |                  |                |                    |                |                |                |                                            |                |         |
| 2   | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp                                                                                                     | SKC         |                                          |               |                     |                                                     |                |                  |                |                    |                |                |                |                                            |                |         |
|     |                                                                                                                                        |             |                                          |               |                     |                                                     |                |                  |                |                    |                |                |                |                                            |                |         |
|     |                                                                                                                                        |             |                                          |               |                     |                                                     |                |                  |                |                    |                |                |                |                                            |                |         |
| 3   | Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm                                                                                             | SKX         |                                          |               |                     |                                                     |                |                  |                |                    |                |                |                |                                            |                |         |
|     |                                                                                                                                        |             |                                          |               |                     |                                                     |                |                  |                |                    |                |                |                |                                            |                |         |
| 4   | Đất nông nghiệp khác                                                                                                                   | NKH         |                                          |               |                     |                                                     |                |                  |                |                    |                |                |                |                                            |                |         |
|     |                                                                                                                                        |             |                                          |               |                     |                                                     |                |                  |                |                    |                |                |                |                                            |                |         |
|     |                                                                                                                                        |             |                                          |               |                     |                                                     |                |                  |                |                    |                |                |                |                                            |                |         |
| 5   | Đất nuôi trồng thủy sản                                                                                                                | NTS         |                                          |               |                     |                                                     |                |                  |                |                    |                |                |                |                                            |                |         |
|     |                                                                                                                                        |             |                                          |               |                     |                                                     |                |                  |                |                    |                |                |                |                                            |                |         |

(\*) Đã thực hiện: Đã có quyết định giao đất, cho thuê đất, CMĐ sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất.

(\*) Đang thực hiện: Đang đền bù, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất.



DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐĂNG KÝ MỚI KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

Xã Quang Khải

| STT                                                                                                                                                                                | Hạng mục công trình                                                                | Mã loại đất | Diện tích (m2) | Sử dụng vào loại đất | Địa điểm (xã, phường, thị trấn) | Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện                                        | Chủ đầu tư | Diện tích thu phải hồi đất (m²) | Diện tích GPMB, thực hiện dự án (m²) | Sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ |                        | Ghi chú |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------|----------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------------|------------------------|---------|
|                                                                                                                                                                                    |                                                                                    |             |                |                      |                                 |                                                                                                     |            |                                 |                                      | Đất trồng lúa (m²)                       | Đất rừng phòng hộ (m²) |         |
| 1                                                                                                                                                                                  | Đất khu dân cư trung tâm                                                           | ONT         | 45.000         | LUC, CLN, NTS        | Khu Chiều Chợ xã Quang Khải     | Quy hoạch chung của xã (Có mảnh trích đo địa chính)                                                 |            | 45.000                          | 45.000                               | 33.566                                   |                        |         |
| 2                                                                                                                                                                                  | Sân Vận động trung tâm xã                                                          | DTT         | 14,500         | LUC, DTL, DGT        | Quang Khải                      | Quy hoạch chung của xã                                                                              |            | 14,500                          | 14,500                               | 14,500                                   |                        |         |
| 3                                                                                                                                                                                  | Mở rộng trường tiểu học                                                            | DGD         | 2.758          | LUC                  | Quang Khải                      | Quy hoạch chung của xã                                                                              | UBND xã    | 2.758                           | 2.758                                |                                          |                        |         |
| 4                                                                                                                                                                                  | Đường trục vành đai xã Quang Khải (Đoạn từ Khu dân cư mới thôn Vũ Xá đến Cổng mới) |             |                |                      | Quang Khải                      | Quy hoạch chung của xã                                                                              | UBND xã    |                                 |                                      |                                          |                        |         |
| 5                                                                                                                                                                                  | Giải phóng mặt bằng mở rộng trường Mầm Non xã Quang Khải                           | DGD         | 2500           | LUC                  | Quang Khải                      | Quy hoạch chung của xã; Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Hải Dương; | UBND xã    | 2,500                           | 2,500                                | 2,500                                    |                        |         |
| 6                                                                                                                                                                                  | Mở rộng Quỹ tín dụng nhân dân Quang Khải                                           | TMD         | 2500           | LUC                  | Quang Khải                      | Quy hoạch chung của xã                                                                              |            | 2,500                           | 2,500                                | 2,500                                    |                        |         |
| Ghi chú: Đất khu dân cư trung tâm theo mảnh trích đo : Tổng diện tích 45.000m2 trong đó: Đất Luc: 33.566m2; Đất CLN:4.839,8m2; Đất NTS: 2.745,3m2; Đất GT:2.322m2; Đất TL:1526,9m2 |                                                                                    |             |                |                      |                                 |                                                                                                     |            |                                 |                                      |                                          |                        |         |
|                                                                                                                                                                                    |                                                                                    |             |                |                      |                                 |                                                                                                     |            |                                 |                                      |                                          |                        |         |
|                                                                                                                                                                                    |                                                                                    |             |                |                      |                                 |                                                                                                     |            |                                 |                                      |                                          |                        |         |
|                                                                                                                                                                                    |                                                                                    |             |                |                      |                                 |                                                                                                     |            |                                 |                                      |                                          |                        |         |

Người lập biểu

CHỦ TỊCH

Mai Thị Thu

Nguyễn Đức Thuận

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

Xã Quang Khải

| STT | Hạng mục công trình                                                                | Mã loại đất | Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 |                      | Địa điểm (xã, phường, thị trấn) | Cơ sở pháp lý có liên quan đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án, công trình. | Chủ đầu tư | Diện tích thu phải hồi đất (m²) | Diện tích GPMB, thực hiện dự án (m²) | Sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ |                        | Dự án               |              |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------|----------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------------|------------------------|---------------------|--------------|
|     |                                                                                    |             | Diện tích (m2)                | Sử dụng vào loại đất |                                 |                                                                                 |            |                                 |                                      | Đất trồng lúa (m²)                       | Đất rừng phòng hộ (m²) | Chuyển tiếp KH 2023 | Đăng ký 2024 |
| 1   | Khu dân cư trung tâm                                                               | ONT         | 45.000                        | LUC                  | Quang Khải                      | Quy hoạch chung của xã (Có mảnh trích đo địa chính)                             |            | 45.000                          | 45.000                               | 33.566                                   |                        |                     | 45.000       |
| 2   | Sân Vận động Trung Tâm xã                                                          | DTT         | 14,500                        | LUC                  | Quang Khải                      | Quy hoạch chung của xã                                                          |            | 14,500                          | 14,500                               | 14,500                                   |                        |                     | 14,500       |
| 3   | Mở rộng trường Tiểu học                                                            | DGD         | 2.758                         | LNQ, TSN             | Quang Khải                      | Quy hoạch chung của xã                                                          |            | 2,758                           | 2,758                                |                                          |                        |                     | 2758         |
| 4   | Đường trục vành đai xã Quang Khải (Đoạn từ Khu dân cư mới thôn Vũ Xá đến Cổng mới) | DGT         |                               |                      | Quang Khải                      | Quy hoạch chung của xã                                                          |            |                                 |                                      |                                          |                        |                     |              |
| 5   | Giải phóng mặt bằng mở rộng trường Mầm Non xã Quang Khải                           | DGD         | 2500                          | LUC                  | Quang Khải                      | Quy hoạch chung của xã                                                          |            | 2,500                           | 2,500                                | 2,500                                    |                        |                     | 2500         |
| 6   | Mở rộng Quỹ tín dụng nhân dân Quang Khải                                           | TMD         | 2500                          | LUC                  | Quang Khải                      | Quy hoạch chung của xã                                                          |            | 2,500                           | 2,500                                | 2,500                                    |                        |                     | 2500         |
|     |                                                                                    |             |                               |                      |                                 |                                                                                 |            |                                 |                                      |                                          |                        |                     |              |
|     |                                                                                    |             |                               |                      |                                 |                                                                                 |            |                                 |                                      |                                          |                        |                     |              |
|     |                                                                                    |             |                               |                      |                                 |                                                                                 |            |                                 |                                      |                                          |                        |                     |              |

Người lập

CHỦ TỊCH

Mai Thị Thư

Nguyễn Đức Thuận